子女姓氏變更約定(同意)書

中文	茲約定本人之 ______ 男 女 ______ 改從 □父 □母 姓 為 ______。
英文	It’s been agreed that our ______ son or daughter , ______ , whose surname will be changed to ☐ the father’s or ☐ the mother’s surname as ______
日文	子 ______（続柄）男 女 ______（氏名）は □父 □母 の氏に変更することを申し立てる。 変更した氏名：______。
越南文	Nay giao hẹn là con cái của cá nhân tôi , giới tính □ nam , □ nữ, thay đổi theo □ họ cha , theo họ mẹ □ và mang tên họ mới là______
印尼文	Dengan ini menyatakan bahwa pihak yang bertanda tangan di bawah ini memutuskan bahwa ____ laki-laki 男/perempuan 女 ______berganti marga dan mengikuti marga ayah 父/ibu 母 menjadi ______
泰文	ข้าพเจ้าขอรับรองว่า ☐ บุตรชาย ☐ บุตรสาว ของข้าพเจ้า ______ ได้ยอมรับที่จะเปลี่ยนสกุลเดิมจากสกุลของ ☐ บิดา ☐ มารดา เป็น ______
柬埔寨文	)ansnµt¬yl;RBm kUnRbus kUnRsI rbs;´ EkERbnam[tamnamrbs; ☐ «Buk ☐ mþay KWEkERbCa ³ ______ .

立約定書人：父（夫）：______（簽章）

國民身分證統一編號（或護照號碼、統一證號）：______

立約定書人：母（妻）：______（簽章）

國民身分證統一編號（或護照號碼、統一證號）______

中　華　民　國　　　年　　　月　　　日